

Số: 264/QĐ-TTYT

Hương Trà, ngày 06 tháng 6 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn chăm công độc hại bằng hiện vật  
và định mức số người thực hiện trong các ca phẫu thuật và thủ thuật

#### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

Căn cứ Thông tư liên tịch số 25/2013/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại;

Căn cứ Thông tư số 50/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế về việc quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong thủ từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ vào Quyết định 1301/QĐ-SYT ngày 25/4/2016 của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với viên chức năm 2016;

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng khoa học kỹ thuật của Trung tâm Y tế thị xã Hương Trà ngày 06/2/2016 đã thông qua bảng hướng dẫn chăm công độc hại bằng hiện vật; số người thực hiện trong các ca thủ thuật, phẫu thuật tại bệnh viện Hương Trà,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành hướng dẫn chăm công độc hại bằng hiện vật; số người thực hiện trong các ca phẫu thuật và thủ thuật tại bệnh viện Hương Trà (có 2 bảng phụ lục kèm theo)

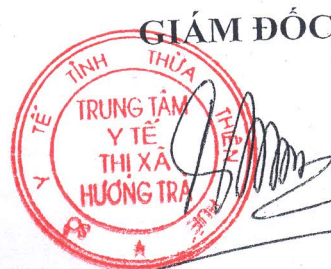
**Điều 2.** Hội đồng khoa học kỹ thuật của Trung tâm Y tế có nhiệm vụ giám sát, hướng dẫn các khoa, phòng, Đội triển khai thực hiện đúng theo biên bản hướng dẫn.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa, phòng, Đội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký: Áp dụng chăm công độc hại bằng hiện vật từ 01/01/2016 và chăm công thủ thuật, phẫu thuật từ 01/6/2016.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu.



**Lê Đình Thao**

Phụ lục 1:

**HƯỚNG DẪN CHẤM CÔNG ĐỘC HẠI BẰNG HIỆN VẬT NĂM 2016**

(Ban hành kèm theo quyết định số 264./QĐ-TTYT ngày 06./6./2016)

Stt	Khoa/Phòng/Đội	Công việc	Tiêu chí	Số công
1	Đội CSSKSS		Khám < 15 BN	½ công BS + ½ công NHS
		Khám, điều trị các bệnh phụ khoa	Khám >= 15 BN	1 công BS + 1 NHS
2	Khoa Phụ - Sản	Đỡ đẻ,	Đỡ đẻ 01 BN /ngày	½ công BS + 1 công NHS
			Đỡ đẻ >=2 BN /ngày	1 công BS + 2 NHS
		khám, điều trị các bệnh phụ khoa	Khám < 15 BN	½ công BS + ½ công NHS
			Khám >= 15 BN	1 công BS + 1 NHS
3	<b>Khoa CLS</b>			
	KTV Thủy	Có XN tối nguy hiểm(Tả, HIV, Viêm não, viêm gan)		½ công/ngày
	KTV Kiều	Có xét nghiệm lao		½ công/ ngày
	Các KTV khác	XN VSV, sinh hóa, huyết học	< 20 test/ ngày	½ công
			>=20test/ ngày	1 công/người
	Phòng chụp X. Quang	Đứng máy X Q	=< 15 phim/ ngày	½ công
			16- <30 phim/ ngày	01 công
			30 - 45 phim/ ngày	1,5 công nếu thực hiện 2 cán bộ
			> 45 phim/ ngày:	02 công nếu thực hiện 2 cán bộ
	Phòng nội soi	Nội soi, phụ nội soi	Thực hiện nội soi	½ công /ngày nội soi/ 1 cán bộ
4	<b>Khoa Lây - Lao</b>			
	Bs Trần Ngọc Anh	Khám, điều trị BN Lao	= < 25 Bn/ngày	½ Công Bs+1/2 công

				ĐD
			> 25 BN/ ngày	01 công Bs + 1 công ĐD
	Các CB khác	Khám, điều trị BN truyền nhiễm	$\leq 15$ Bn/ngày	$\frac{1}{2}$ công BS+1 công ĐD/ngày
			> 15 Bn/ngày	1BS + 2ĐD/ngày
5	<b>Khoa Ngoại</b>	Khám, điều trị, chăm sóc BN ngoại	$\leq 10$ BN/ ngày	$\frac{1}{2}$ công BS + 01 công ĐD
			>10 BN /ngày	01 công Bs+ 2 công ĐD
			$\geq 25$ bệnh nhân/ngày	2 công Bs + 04 công Đd
		<b>Có phẫu thuật thì có hưởng</b>	Phẫu thuật <03 Bn/ngày	$\frac{1}{2}$ công ( những người tham gia phẫu thuật)
			Phẫu thuật > 03 BN/ ngày	01 công ( những người tham gia phẫu thuật)
6	<b>Khoa KB-CC</b>	Cán bộ tham gia khám bệnh tại PK. Thực hiện khám chữa bệnh tại các phòng khám	<25 BN/ngày	$\frac{1}{2}$ công Bs+1/2 công Đd/ (1PK)
			$\geq 25$ BN/ngày	01 công BS+01 công ĐD/ (1 PK)
			PK chuyên khoa chăm	$\frac{1}{2}$ Bs+1/2 Đd/ngày
7	<b>Khoa YHCT</b>	Khám, điều trị BN YHCT tại khoa KB	< 25 BN/ngày	$\frac{1}{2}$ công + $\frac{1}{2}$ công Đd
			$\geq 25$ BN/ngày	01 công + 1 công Đd
8	<b>Khoa HSTCCĐ</b>	Chuyên cấp cứu, TD HS sau mổ ( Ngày nào có bn cấp cứu hoặc CSSM mới được chấm)	01BN sau phẫu thuật	02 ngày chấm 1,5 công BS+1,5 công ĐD
9	<b>Khoa KSNK</b>			
	Ds Hạnh và các điều dưỡng	Rửa, phân loại đóng gói, hấp, sấy	Từ 1 đến 2 nôi/ ngày	$\frac{1}{2}$ công / ngày
			Trên 2 nôi / ngày	1 công/ ngày
	<b>Hộ lý</b>			
	Hộ lý: Hiền, Hoài	Hộ lý	Làm < 4 giờ	$\frac{1}{2}$ công
			Làm $\geq 4$ giờ	01 công

	Hộ lý: Hoa, Lan, Hiếu, Yên	Hộ lý	Một Hộ lý phụ trách 2 khoa nên ngày nào có đi làm việc với công tác hộ lý được chấm 1 công/ ngày	
	Hộ lý Ánh	Vận hành xử lý hệ thống chất thải và nạo vét cống rãnh trong bệnh viện	Đốt rác	01 công (làm 2 buổi/ Tuần)
11	<b>Khoa Nội Nhi</b>			
	BS Thái Văn Tuấn, DD Phan Thị Hiền Nhi	Trực tiếp khám, điều trị nhi sơ sinh bệnh lý	có bệnh mới hưởng	½ công BS/ngày ½ công DD/ngày
12	<b>Khoa Dược</b>			
	Ds Hạnh, DS Lành	Cấp phát thuốc ngoại trú tại	Ngày nào có cấp thì được chấm	1 công/ ngày
	Ds Huệ	Cấp thuốc ngoại trú Lao, TTK	Chỉ chấm công vào những buổi có cấp phát thuốc, có tiếp xúc bệnh nhân	½ công/ ngày
13	<b>Đội YTDP</b>	Điều tra, giám sát và chống dịch khi trực tiếp tham gia phòng, chống dịch ( Phải có biên bản)	khi triển khai các công tác phòng, chống dịch	< 4 giờ chấm ½ công; >= 4 giờ chấm 1 công
14	<b>Phòng Tài vụ</b>			
	Cn Thanh, và Giang Đông	Thanh toán viện phí	Ngày nào có cấp thì được chấm	1 công/ ngày

**Phụ lục 2:**

**QUY ĐỊNH SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN  
TRONG CÁC CA PHẪU THUẬT VÀ THỦ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN HƯƠNG TRÀ  
(Ban hành kèm theo quyết định số 264/QĐ-TTYT ngày 06/6/2016)**

STT	Tên Thủ thuật, phẫu thuật	Loại		Chính	Phụ	Giúp việc	Số người
		PT	TT				
<b>NGOẠI</b>							
1	Nắn trật khớp		I, II	1	1		2
2	Bó bột có kéo nắn		II, I	1	1		2
3	Bó bột không kéo nắn		I, II, III	1	1		2
4	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/ rách da đầu	III		1	1		2
5	Khâu vết thương phần mềm kt dưới 10cm	III		1	1		2
6	Khâu vết thương phần mềm kt > 10 cm	II		1	1	1	3
7	Mổ u da, u bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	III		1	1	1	3
8	Cắt hẹp bao quy đầu	III		1	1	1	3
9	Phẫu thuật áp xe phần mềm lớn	III		1	1		2
10	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	II		1	1	1	3
11	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	I		1	2	1	4
12	PT cắt ruột thừa (hở, nội soi)	II		2	3	2	7
13	PT cắt túi mật (hở nội soi)	I		2	3	2	7
15	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	I		2	2	2	6
16	Phẫu thuật Longo	II		2	2	1	5
17	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	II		2	2	1	5
18	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)	II		2	2	1	5
19	PT cắt trĩ bóc tách búi trĩ hoặc 2 bó trở lên	II		2	1	1	4
20	PT thoát vị bẹn, đùi	II		2	2	2	6

21	PT thoát vị bẹn, đùi Tái phát	I		2	2	2	6
22	PT Kết hợp xương nhỏ( ngón, bàn)	II		1	2	1	4
23	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	II		2	2	1	5
24	PT kết hợp xương lớn	I		2	2	1	5
25	PT Kết hợp xương	I		2	2	1	5
26	Nối gân gấp,	II		1	1	1	3
27	Nối gân duỗi	I		1	1	1	3
28	Gỡ dính gân ( ngón tay cò sủng...)	II		2	1	1	4
29	Rút nếp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	III					
	- Xương nhỏ: ngón, bàn	II		1	1		2
	- Xương lớn ( Gãy tê tủy sống)	II		2	1	1	4
	- Xương lớn ( Gãy mê NKQ)	II		2	2	1	5
30	Chích rạch áp xe lớn, dẫn, lưu	(Nhi)	ĐB	1	1		2
31	Chích áp xe phần mềm lớn	(Nhi)	II	1	1		2
32	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	(Nhi)	III	1	1		2
33	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	III		2	2	1	5
34	Phẫu thuật làm mồm cụt	II		1	1	1	3
<b>SAN PHỤ KHOA</b>							
1	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	II		2	3	1	6
2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	I		2	3	1	6
3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	I		2	3	1	6
4	Đỡ đẻ ngôi ngược		I	1	1	1	3
5	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên		I	1	1	1	3
6	Giác hút		I	1	1	1	3
7	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn	II		1	1	1	3
8	Đỡ đẻ thường con so		II	1	1	1	3
9	Đỡ đẻ thường con rạ		II	1	1		2

10	Nút mạch cầm máu trong sản khoa		ĐB	1	1	1	3
11	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ		II	1	1		2
12	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	III		1	1		2
13	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo		I	1	1		2
14	Lấy dị vật âm đạo		II	1	1		2
15	Khâu rách cùng đồ âm đạo	III		1	1	1	3
16	Chích áp xe tuyến Bartholin		II	1	1		2
17	Bóc nang tuyến Bartholin		I	1	1	1	3
18	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh		II	1	1		2
19	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết		II	1	1		2
20	Chích áp xe vú		II	1	1		2
21	Bóc nhân xơ vú		I	1	1	1	3
22	Đặt và tháo dụng cụ tử cung		III	1	1		2
23	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ		I	1	1		2
24	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không		II	1	1		2
25	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không		III	1	1		2
26	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn		II	1	1		2
27	PT áp xe tầng sinh môn (Nhi)	III		1	1	1	3
28	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	I		1	1	1	3

### **TAI MŨI HỌNG**

1	Cắt Amydal gây mê	II		2	2	1	5
2	Cắt Amydal gây tê	II		1	1	1	3
3	Nạo VA (tê, mê)	II		1	1	1	3
5	Nâng xương chính mũi						
	A- Nâng xương chính mũi sau chấn thương (gây mê)	III		1	1	1	3
	B- Nâng xương chính mũi sau		I	1	1		2

	chấn thương (gây tê)						
6	Nhét bắc mũi sau		II	1	1		2
7	Nhét bắc mũi trước		II	1	1		2
8	Lấy dị vật tai gây tê		II	1	1		2
9	Chích rạch màng nhĩ		III	1	1		2
10	Khâu vết rách vành tai		III	1	1		2
11	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	III		1	1	1	3
12	Chọc hút dịch vành tai		III	1	1		2
13	Chích nhọt ống tai ngoài		II	1	1		2
14	Làm thuốc tai		III	1			1
15	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài		II	1			1
16	Cắt Polyp mũi	II		1	1		2
17	Bẻ cuốn mũi		II	1	1		2
18	Lấy dị vật mũi gây tê		II	1	1		2
19	Chích áp xe sàn miệng		I	1	1		2
20	Lấy dị vật họng miệng		III	1			1
21	Lấy dị vật hạ họng		II	1	1		2
22	Đặt nội khí quản		I	1	1	1	3
23	Chích áp xe thành sau họng gây tê		I	1	1		2
24	Chích áp xe thành sau họng gây mê	II		1	1	1	3

### RĂNG HÀM MẶT

1	Nắn sai khớp thái dương hàm		I	1			1
2	Cắt cuống răng	II		1			1
3	Nhổ răng vĩnh viễn	III		1	1		2
4	Nhổ chân răng vĩnh viễn, vĩnh viễn lung lay, răng thừa		I	1			1
5	Nhổ răng khôn, răng mọc ngầm	II		1	1		3
6	Nhổ răng mọc lạc chỗ	III		1			2
7	Cắt lợi xơ cho răng mọc, lợi trùm răng khôn hàm dưới	III		1			1
8	Điều trị viêm quanh thân răng cấp		I	1			1
9	Các điều trị sâu ngà, trám bít hố bít rãnh		II	1			1



10	Điều trị răng sữa	III		1			1
11	nhổ răng, chân răng sữa		I	1			1
12	Chích Apxe lợi trẻ em		I	1			1
13	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	III		1	1		2
14	Lấy tuỷ buồng răng vĩnh viễn		II	1			1
15	Điều trị tủy lại	III		1			1
16	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	III		1			1
17	Lấy cao răng		I	1			1
<b>MẮT</b>							
1	Rửa cùng đồ	II		1	1		2
2	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc		II	1	1		2
3	Lấy calci kết mạc, Cắt chỉ khâu da mi đơn giản, Cắt chỉ khâu kết mạc		III	1			1
4	Thay băng vô khuẩn		II	1			1
5	Rửa cùng đồ		II	1			1
6	Cấp cứu bong mắt ban đầu		I	1	1		2
7	Rạch áp xe mi, Rạch áp xe túi lệ		I	1	1		2
8	Soi đáy mắt trực tiếp		II	1			1
9	Phẫu thuật cắt mộng thịt mắt	II		1	1	1	3
<b>NỘI SOI</b>							
1	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng		II	1	1		2
2	Nội soi đại tràng sigma		II	1	1		2
3	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị		I	1	1	1	3
4	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật		I	1	1	1	3
5	Nội soi đại tràng-lấy dị vật		I	1	1	1	3
6	Nội soi tiêu hoá với gây mê (dạ dày - đại tràng)		I	1	1	1	3
7	Soi trực tràng		III	1	1		2

<b>CẤP CỨU</b>							
1	Đặt ống thông dạ dày		III	1	1		1
2	Rửa dạ dày cấp cứu		II	1	1	1	3
3	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín		II	1	1	1	3
4	Đặt ống thông hậu môn		III	1			1
5	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương		III	1	1		2
6	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng		II	1	1		2
7	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh		II	1			1
8	Chụp X quang cấp cứu tại giường		II	1			1
9	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu		II	1	1		2
10	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		III	1			1
11	Thông tiểu		III	1			1
12	Thời gian máu chảy phương pháp Duke		III	1			1
13	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)		II	1	1		2
14	Đặt nội khí quản cấp cứu		I	1	1	1	3
<b>Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>							
1	Điện châm, thủy châm		II	1			1